

Số: 3237/CT-TTHT
V/v Doanh nghiệp cần thực hiện
và báo cáo đầu năm 2019.

Long An, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: Các Doanh nghiệp Cục Thuế quản lý.

Căn cứ Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế.

Căn cứ các Nghị định, Thông tư hướng dẫn về chính sách thuế đang được áp dụng.

Cục Thuế tỉnh Long An hướng dẫn thực hiện việc lập báo cáo thuế và một số lưu ý mà Doanh nghiệp phải thực hiện đầu năm 2019 như sau:

I. Các báo cáo phải nộp cho kỳ tính thuế năm 2018:

1. Thuế GTGT: Người nộp thuế (NNT) không phải thực hiện quyết toán thuế GTGT năm theo qui định.

Một số lưu ý như sau:

1.1. Bổ quy định xác định phương pháp tính thuế GTGT và thời gian ổn định phương pháp tính thuế GTGT:

Ngày 19/9/2017 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 93/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 219/2013/TT-BTC như sau:

- Bổ hướng dẫn nộp mẫu 06/GTGT để đăng ký áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập và cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu chịu thuế GTGT dưới 1 tỷ đồng.

- Bổ hướng dẫn nộp mẫu 06/GTGT khi chuyển đổi phương pháp tính thuế GTGT.

Việc xác định phương pháp tính thuế GTGT căn cứ theo hồ sơ khai thuế do cơ sở kinh doanh gửi đến cơ quan thuế. Cụ thể như sau:

- Nếu đăng ký áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì gửi tờ khai thuế GTGT mẫu 01/GTGT, mẫu 02/GTGT (đối với Doanh nghiệp đang đầu tư xây dựng cơ bản) đến cơ quan thuế.

- Nếu đăng ký áp dụng thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì gửi tờ khai thuế GTGT mẫu 03/GTGT, mẫu 04/GTGT đến cơ quan thuế.

1.2. Xác định khai thuế GTGT theo tháng, quý:

- Căn cứ khoản 2a, Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật quản lý thuế.

- Căn cứ Điều 15, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 2, Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

Theo quy định thì việc thực hiện khai thuế GTGT theo quý hay theo tháng được ổn định trọn năm dương lịch và ổn định theo chu kỳ **3 năm**.

- Trường hợp Doanh nghiệp thuộc chu kỳ ổn định khai thuế GTGT 3 năm từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2018 thì năm 2019 sẽ xác định lại chu kỳ khai thuế mới dựa trên doanh thu của năm 2018. Doanh nghiệp căn cứ vào cách xác định doanh thu được hướng dẫn tại Điều 15, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 nêu:

+ Doanh thu năm 2018 của Doanh nghiệp từ 50 tỷ đồng trở xuống thì thuộc diện khai thuế GTGT theo quý và ổn định theo chu kỳ 3 năm từ năm 2019 đến năm 2021.

+ Doanh thu năm 2018 của Doanh nghiệp trên 50 tỷ đồng thì thuộc diện khai thuế GTGT theo tháng và ổn định theo chu kỳ 3 năm từ năm 2019 đến năm 2021.

+ Trường hợp Công ty đủ điều kiện và thuộc diện khai thuế GTGT theo quý muốn chuyển sang khai thuế GTGT theo tháng thì gửi thông báo mẫu số 07/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 cho Cục Thuế **chậm nhất là cùng với thời hạn nộp tờ khai thuế GTGT của tháng 01/2019**.

- Trường hợp năm 2018 Doanh nghiệp chưa hết chu kỳ ổn định khai thuế 3 năm (chu kỳ ổn định năm 2017, 2018, 2019 hoặc chu kỳ ổn định năm 2018, 2019, 2020) thì Doanh nghiệp tiếp tục thực hiện khai thuế đến hết chu kỳ ổn định.

- Trường hợp Doanh nghiệp thành lập trong năm 2018 thì:

+ Doanh nghiệp thành lập tháng 01/2018 thì năm 2018 thực hiện khai thuế GTGT theo quý. Doanh nghiệp căn cứ vào doanh thu năm 2018 (đủ 12 tháng) để xác định năm 2019 khai thuế theo tháng hay quý theo hướng dẫn trên và được ổn định trong 3 năm từ năm 2019 đến năm 2021.

+ Trường hợp Doanh nghiệp thành lập từ tháng 02/2018 đến tháng 12/2018 (chưa đủ 12 tháng) thì năm 2018, 2019 Doanh nghiệp thực hiện khai thuế GTGT theo quý. Doanh nghiệp căn cứ doanh thu năm 2019 để xác định năm 2020 khai thuế theo tháng hay quý theo hướng dẫn trên và được ổn định trong 3 năm từ năm 2020 đến năm 2022.

1.3 Hoàn thuế GTGT:

- Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư xây dựng có hồ sơ đề nghị hoàn thuế dự án đầu tư thì phải có đầy đủ hồ sơ, thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và đất đai (công văn số 5580/TCT-KK ngày 02/12/2016 của Tổng cục Thuế).

- Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế GTGT mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:

+ Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký theo quy định của pháp luật.

+ Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư là dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng cơ sở kinh doanh chưa được cấp giấy phép kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; chưa có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; hoặc chưa đáp ứng được điều kiện để thực hiện đầu tư kinh doanh có điều kiện mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới hình thức văn bản theo quy định của pháp luật về đầu tư.

+ Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động là dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng trong quá trình hoạt động cơ sở kinh doanh bị thu hồi giấy phép kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; bị thu hồi văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; hoặc trong quá trình hoạt động cơ sở kinh doanh không đáp ứng được điều kiện để thực hiện đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư thì thời điểm không hoàn thuế giá trị gia tăng được tính từ thời điểm cơ sở kinh doanh bị thu hồi một trong các loại giấy tờ nêu trên hoặc từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, phát hiện cơ sở kinh doanh không đáp ứng được các điều kiện về đầu tư kinh doanh có điều kiện.

+ Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01/7/2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư.

- Công ty được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu vào khu phi thuế quan; hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu ra nước ngoài, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý.

- Công ty có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thì số thuế GTGT được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10%. Trường hợp Công ty có phát sinh số thuế GTGT vượt quá 10% doanh thu xuất khẩu sẽ chuyển sang kỳ sau. Số thuế GTGT hàng hóa xuất khẩu vượt quá 10% kỳ trước chuyển sang sẽ không được xác định số thuế được hoàn cho hàng hóa xuất khẩu trong kỳ tiếp theo.

- Chính sách thuế GTGT áp dụng năm 2018:

- + Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 173/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 93/2017/TT-BTC ngày 19/9/2017 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính.

2. Khai quyết toán thuế TNDN:

2.1 Đối với doanh nghiệp nộp thuế TNDN theo phương pháp doanh thu trừ chi phí:

Khai quyết toán thuế TNDN bao gồm: Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm và khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đến thời điểm có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (trừ trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp mà bên tiếp nhận kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp trước khi chuyển đổi), giải thể, chấm dứt hoạt động.

Các Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm 2018 chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc nhưng hạch toán độc lập thì đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị trực thuộc. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc thì doanh nghiệp có trách nhiệm khai tập trung tại trụ sở chính cả phần phát sinh tại đơn vị trực thuộc (riêng đối với các chi nhánh sản xuất hạch toán phụ thuộc ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với địa phương nơi đóng trụ sở chính thì doanh nghiệp nơi đóng trụ sở chính có trách nhiệm gửi cho cơ quan thuế quản lý trụ sở chính và cơ quan thuế quản lý cơ sở sản xuất phụ thuộc mẫu số 03-8/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC). Số thuế TNDN còn phải nộp được xác định (=) số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán (-) đi số đã tạm nộp tại trụ sở chính và tạm nộp tại nơi có cơ sở sản xuất phụ thuộc.

Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

a) Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

b) Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo tài chính đến thời điểm có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động.

c) Một hoặc một số phụ lục kèm theo tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC (tuỳ theo thực tế phát sinh của người nộp thuế):

- Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1A/TNDN, mẫu số 03-1B/TNDN, mẫu số 03-1C/TNDN.

- Phụ lục chuyên lỗ theo mẫu số 03-2/TNDN.

- Các Phụ lục về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

- + Mẫu số 03-3A/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm, dự án đầu tư mới.

- + Mẫu số 03-3B/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất (đầu tư mở rộng).

- + Mẫu số 03-3C/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ.

- Phụ lục số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế theo mẫu số 03-4/TNDN.

- Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-5/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

- Phụ lục báo cáo trích lập, điều chuyển và sử dụng quỹ phát triển và khoa học công nghệ (nếu có) theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016.

- Người nộp thuế là đối tượng áp dụng của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính Phủ thực hiện kê khai các mẫu kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN số 03/TNDN như sau:

- + Mẫu số 01 thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, hướng dẫn chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 41/2017/TT-BTC.

- + Mẫu số 02 danh mục các thông tin tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ quốc gia và mẫu số 03 danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu. Người nộp thuế đánh dấu vào các dòng tương ứng với các thông tin, tài liệu đã lập tại hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết.

- + Mẫu số 04 kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao tại Việt Nam có doanh thu hợp nhất toàn cầu từ mười tám nghìn tỷ đồng trở lên có hoạt động tại nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ theo hướng dẫn chi tiết tại phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2017/TT-BTC.

- + Các trường hợp được miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết tại mục III, mục IV Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP trong trường hợp chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng

nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, nhưng phải kê khai căn cứ miễn trừ tại mục I, mục II tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị số 20/2017/NĐ-CP.

+ Người nộp thuế có trách nhiệm kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này nhưng được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết trong các trường hợp sau:

a) Người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng;

b) Người nộp thuế đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá thực hiện nộp Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá. Các giao dịch liên kết không thuộc phạm vi áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá, người nộp thuế có trách nhiệm kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP;

c) Người nộp thuế thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần trước lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu, bao gồm các lĩnh vực như sau:

- Phân phối: Từ 5% trở lên;
- Sản xuất: Từ 10% trở lên;
- Gia công: Từ 15% trở lên.

Trường hợp người nộp thuế không áp dụng theo mức tỷ suất lợi nhuận thuần quy định tại điểm này thì phải lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo quy định.

Lưu ý:

- Trường hợp tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp trong bốn (4) quý của năm tài chính thấp hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm từ 20% trở lên thì doanh nghiệp **phải nộp tiền chậm nộp** đối với phần chênh lệch vượt từ 20% trở lên giữa số thuế tạm nộp với số thuế phải nộp theo quyết toán (Phần chênh lệch vượt từ 20% = Số còn phải nộp thêm theo quyết toán trừ (-) đi (số thuế TNDN phải nộp của năm x 20%)); Thời gian tính tiền chậm nộp là từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế quý bốn (30/1 năm tài chính sau) đến ngày doanh nghiệp thực nộp số thuế còn thiếu so với số quyết toán.

- **Xác định chi phí để tính thuế trong một số trường hợp cụ thể đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết đặc thù như sau:**

+ Giao dịch liên kết không phù hợp bản chất giao dịch độc lập hoặc không góp phần tạo ra doanh thu, thu nhập cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế không được trừ vào chi phí tính thuế trong kỳ.

+ Chi phí dịch vụ không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm: Chi phí phát sinh từ các dịch vụ được cung cấp chỉ nhằm mục đích phục vụ lợi ích hoặc tạo giá trị cho các bên liên kết khác; dịch vụ phục vụ lợi ích cổ đông của bên liên kết; dịch vụ tính phí trùng lặp do nhiều bên liên kết cung cấp cho cùng một loại dịch vụ, không xác định được giá trị gia tăng cho người nộp thuế; dịch vụ về bản chất là các lợi ích người nộp thuế nhận được do là thành viên của một tập đoàn và chi phí mà bên liên kết cộng thêm đối với dịch vụ do bên thứ ba cung cấp thông qua trung gian bên liên kết không đóng góp thêm giá trị cho dịch vụ.

+ Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp **không vượt quá 20%** của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế.

2.2 Đối với doanh nghiệp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu:

- Đối tượng: Đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp không xác định được chi phí, thu nhập và các tổ chức không phải là doanh nghiệp thuộc trường hợp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm theo mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

- Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức thuộc trường hợp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp không phát sinh thường xuyên hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thì thực hiện kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh theo mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC, doanh nghiệp không phải khai quyết toán năm.

- Chính sách hướng dẫn thuế TNDN năm 2018:

- + Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 83/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ Tài chính
- + Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 12/2016/TT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 của Liên Bộ KHCN và Bộ Tài chính.
- + Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính Phủ.
- + Thông tư số 41/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính

3. Báo cáo tài chính:

3.1- Doanh nghiệp mở sổ sách kế toán theo qui định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp gồm các biểu mẫu sau:

- | | |
|--|------------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B 01 - DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B 02 – DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B 03 - DN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B 09 - DN |

3.2- Doanh nghiệp nhỏ và vừa mở sổ sách kế toán theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện các biểu mẫu sau:

*** Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:**

a) Báo cáo bắt buộc:

- | | |
|--|-------------------|
| - Báo cáo tình hình tài chính | Mẫu số B01a - DNN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 - DNN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B09 - DNN |

Tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp có thể lựa chọn lập Báo cáo tình hình tài chính theo Mẫu số B01b - DNN thay cho Mẫu số B01a - DNN.

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số F01 - DNN).

b) Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

- | | |
|------------------------------|------------------|
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03 - DNN |
|------------------------------|------------------|

*** Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:**

a) Báo cáo bắt buộc:

- | | |
|--|---------------------|
| - Báo cáo tình hình tài chính | Mẫu số B01 - DNNKLT |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 - DNN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B09 - DNNKLT |

b) Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

- | | |
|------------------------------|------------------|
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03 - DNN |
|------------------------------|------------------|

*** Hệ thống báo cáo tài chính năm bắt buộc áp dụng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm:**

- | | |
|--|-------------------|
| - Báo cáo tình hình tài chính | Mẫu số B01 - DNSN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 - DNSN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B09 - DNSN |

Khi lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải tuân thủ biểu mẫu báo cáo tài chính theo quy định. Trong quá trình áp dụng, nếu thấy cần thiết, các doanh nghiệp có thể sửa đổi, bổ sung báo cáo tài chính cho phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp nhưng phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

Lưu ý: Đối với các doanh nghiệp mà báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo qui định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định 17/2012/NĐ-CP thì khi nộp báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo qui định.

Bao gồm các doanh nghiệp sau:

- a) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- b) Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, bao gồm cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;
- c) Tổ chức tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.
- d) Công ty đại chúng, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- e) Các doanh nghiệp, tổ chức khác bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật có liên quan.
- f) Doanh nghiệp, tổ chức khác bao gồm:
 - f.1) Doanh nghiệp nhà nước, trừ doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm;
 - f.2) Doanh nghiệp, tổ chức thực hiện dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn nhà nước, trừ các dự án trong lĩnh vực thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật phải được kiểm toán đối với báo cáo quyết toán dự án hoàn thành;
 - f.3) Doanh nghiệp, tổ chức mà các tập đoàn, tổng công ty nhà nước nắm giữ từ 20% quyền biểu quyết trở lên tại thời điểm cuối năm tài chính phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm;
 - f.4) Doanh nghiệp mà các tổ chức niêm yết, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán nắm giữ từ 20% quyền biểu quyết trở lên tại thời điểm cuối năm tài chính phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm;

f.5) Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm.

3.3 Cách nộp báo cáo tài chính phải kiểm toán:

- Tiếp nhận báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo kiểm toán qua mạng:

Người nộp thuế là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính, khi nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN thì được gửi bản scan Báo cáo kiểm toán qua mạng (scan báo cáo tài chính sau đó copy sang file word để gửi phụ lục đính kèm).

+ Trường hợp người nộp thuế là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính, khi nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN cho cơ quan thuế, có báo cáo tài chính nhưng không đính kèm báo cáo kiểm toán thì cơ quan thuế sẽ có văn bản thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập và xử phạt theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp quá thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định, người nộp thuế mới nộp hồ sơ khai thuế thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ, Thông tư số 166/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về hành vi nộp chậm hồ sơ khai thuế so với thời hạn quy định.

4. Khai quyết toán thuế TNCN:

- Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ quyết toán thuế TNCN năm 2018 chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân và quyết toán thuế thu nhập cá nhân thay cho các cá nhân có ủy quyền không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế. Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập thì không phải khai quyết toán thuế TNCN.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động có phát sinh trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập không thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân, chỉ cung cấp cho cơ quan thuế danh sách cá nhân đã chi trả thu nhập trong năm (nếu có) theo mẫu số 05/DS-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm) kể từ ngày có quyết định về việc giải thể, chấm dứt hoạt động.

- Tổ chức trả thu nhập chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải quyết toán thuế đối với số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ và cấp chứng từ khấu trừ thuế cho người lao động để làm cơ sở cho người lao động thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp mà bên tiếp nhận kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp trước chuyển đổi (như chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại; chuyển đổi Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành

Công ty cổ phần và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật) thì doanh nghiệp trước chuyển đổi không phải khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi doanh nghiệp. Bên tiếp nhận thực hiện khai quyết toán thuế năm theo quy định.

4.1 Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công:

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 05/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC;

- Bảng kê mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

- Bảng kê mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

- Bảng kê mẫu số 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

4.2 Đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:

- **Đối tượng quyết toán thuế:** Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo trừ các trường hợp sau:

+ Cá nhân có số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau.

+ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một đơn vị mà có thêm thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 (mười) triệu đồng, đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế tại nguồn theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

+ Cá nhân được người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm mà người sử dụng lao động hoặc doanh nghiệp bảo hiểm đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí bảo hiểm tương ứng với phần người sử dụng lao động theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- Ủy quyền quyết toán thuế:

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay trong các trường hợp sau:

+ Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một tổ chức, cá nhân trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại đơn vị chỉ trả thu nhập vào thời điểm ủy quyền quyết toán, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 (mười hai) tháng trong năm.

+ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một tổ chức, cá nhân trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại đơn vị chỉ trả thu nhập vào thời điểm ủy quyền quyết toán, kể cả trường hợp

không làm việc đủ 12 (mười hai) tháng trong năm, đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế 10% mà không có yêu cầu quyết toán đối với phần thu nhập này.

+ Cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới trong trường hợp tổ chức cũ thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp. Cuối năm người lao động có ủy quyền quyết toán thuế thì tổ chức mới phải thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động (nếu có) để làm căn cứ tổng hợp thu nhập, số thuế đã khấu trừ và quyết toán thuế thay cho người lao động.

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân đối với phần thu nhập từ tiền lương, tiền công mà cá nhân nhận được từ tổ chức, cá nhân trả thu nhập. Trường hợp tổ chức chỉ trả sau khi thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp và thực hiện quyết toán thuế theo ủy quyền của người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ sang thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán thuế đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công không thuộc trường hợp được ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay thì khai quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo mẫu sau:

+ Tờ khai quyết toán thuế mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

+ Phụ lục mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC nếu có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc.

+ Bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên bản chụp đó. Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.

Trường hợp, theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế có thể nộp bản chụp Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc bản chụp chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.

+ Bản chụp các hoá đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (nếu có).

+ Trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài phải có tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài.

- Nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế:

+ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế là Cục Thuế nơi cá nhân nộp hồ sơ khai thuế trong năm.

+ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên thuộc diện tự quyết toán thuế thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế như sau:

* Cá nhân đã tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập đó. Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng có tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng. Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng không tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

* Trường hợp cá nhân chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân ở bất cứ tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

+ Trường hợp cá nhân không ký hợp đồng lao động, hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 (ba) tháng, hoặc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ có thu nhập tại một nơi hoặc nhiều nơi đã khấu trừ 10% thì quyết toán thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

+ Cá nhân trong năm có thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi hoặc nhiều nơi nhưng tại thời điểm quyết toán không làm việc tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế là Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

Lưu ý:

- Công ty xổ số kiến thiết, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp bán hàng đa cấp trả thu nhập đối với thu nhập của đại lý **không phải khai quyết toán thuế năm**. Tuy nhiên đối với tờ khai kỳ tháng/kỳ quý cuối cùng trong năm, phải kèm theo Phụ lục theo mẫu số 01-1/BK-XSBHĐC ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC (không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế).

- Cách thức quyết toán thuế: Đối với các tổ chức trả thu nhập thực hiện khai thuế điện tử thì gửi quyết toán thuế bằng hình thức khai thuế điện tử, sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế điện tử iHTKK và **không phải gửi file giấy tới cơ quan thuế**.

Đối với cá nhân thực hiện lập tờ khai quyết toán thuế (mẫu 02/QT-TNCN) trên hệ thống Dịch vụ thuế điện tử <http://thuedientu.gdt.gov.vn>, đồng thời ký và gửi bản giấy tới cơ quan thuế nơi nhận hồ sơ ở trên để quyết toán thuế và hoàn thuế (nếu có) theo qui định.

- Chính sách hướng dẫn thuế TNCN năm 2018:

+ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 hướng dẫn thực hiện Luật thuế TNCN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN.

+ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.

+ Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

+ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

5. Khai quyết toán thuế Tài nguyên:

Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ khai quyết toán thuế Tài nguyên năm 2018 chậm nhất là **ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.**

- Tờ khai quyết toán thuế Tài nguyên theo mẫu số 02/TAIN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Các tài liệu liên quan đến việc miễn, giảm thuế tài nguyên kèm theo (nếu có).

- Chính sách hướng dẫn thuế Tài nguyên năm 2018:

+ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính.

+ Thông tư số 174/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính.

+ Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành biểu mức thuế suất thuế Tài nguyên có hiệu lực từ ngày 01/07/2016.

+ Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND tỉnh Long An về việc quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2018 trên địa bàn tỉnh Long An.

+ Quyết định số 4638/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2019 trên địa bàn tỉnh Long An.

6. Quyết toán thuế khấu trừ của nhà thầu nước ngoài:

Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài chậm nhất là **ngày thứ 45 kể từ ngày kết thúc hợp đồng nhà thầu** (không phải quyết toán năm).

Hồ sơ khai quyết toán thuế khấu trừ của nhà thầu nước ngoài bao gồm:

- Tờ khai Quyết toán thuế nhà thầu theo mẫu số 02/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ Việt Nam tham gia thực hiện hợp đồng nhà thầu theo mẫu số 02-1/NTNN, 02-2/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Bảng kê chứng từ nộp thuế;

- Bản thanh lý hợp đồng nhà thầu (nếu có).

- Chính sách thuế nhà thầu là Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính.

II. Các công việc thực hiện cho năm 2019:

1. Khai lệ phí môn bài năm 2019:

- Mức lệ phí môn bài đối với tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải nộp thực hiện theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 4/10/2016 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 cụ thể:

a) Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng: 3.000.000 đồng/năm;

b) Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 2.000.000 đồng/năm;

c) Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế khác: 1.000.000 đồng/năm.

Mức thu lệ phí môn bài đối với tổ chức quy định tại điểm a và điểm b nêu trên căn cứ vào **vốn điều lệ** ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; trường hợp không có vốn điều lệ thì căn cứ vào vốn đầu tư ghi trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Tổ chức quy định tại các điểm a, b nêu trên có thay đổi vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư thì căn cứ để xác định mức thu lệ phí môn bài là vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư của năm trước liền kề năm tính lệ phí môn bài.

- Theo quy định đối với trường hợp các doanh nghiệp đang hoạt động trước **31/12/2018** đã khai lệ phí môn bài khi bắt đầu hoạt động và **năm 2019** nếu không có thay đổi các yếu tố làm căn cứ xác định mức thu lệ phí môn bài phải nộp thì không phải làm tờ khai lệ phí môn bài **mà chỉ nộp lệ phí môn bài vào NSNN theo quy định**. Trường hợp có thay đổi các yếu tố dẫn đến mức lệ phí môn bài thay đổi thì các doanh nghiệp phải nộp tờ khai lệ phí môn bài theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 4/10/2016 của Chính Phủ.

Lưu ý:

- Trường hợp người nộp lệ phí có đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) kinh doanh ở **cùng địa phương cấp tỉnh** thì người nộp lệ phí thực hiện nộp hồ sơ khai lệ phí môn bài của các đơn vị phụ thuộc đó cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của người nộp lệ phí;

- Trường hợp người nộp lệ phí có đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) kinh doanh ở **khác địa phương cấp tỉnh** nơi người nộp lệ phí có trụ sở chính thì đơn vị phụ thuộc thực hiện nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài của đơn vị phụ thuộc cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc.

- Thời hạn nộp lệ phí môn bài năm 2019 chậm nhất là ngày **30 tháng 01 năm 2019**.

2. Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 2019:

- Người nộp thuế không phải thực hiện khai lại thuế SDDPNN nếu không có sự thay đổi về người nộp thuế và các yếu tố dẫn đến thay đổi số thuế phải nộp.

- Trường hợp phát sinh các sự việc dẫn đến sự thay đổi về người nộp thuế thì người nộp thuế mới phải kê khai và nộp hồ sơ khai thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh các sự việc trên; Trường hợp phát sinh các yếu tố làm thay đổi số thuế phải nộp (trừ trường hợp thay đổi giá 1m² đất tính thuế) thì người nộp thuế phải kê khai và nộp hồ sơ khai thuế trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh các yếu tố làm thay đổi số thuế phải nộp.

- Hồ sơ khai thuế SDDPNN mẫu số 02/TK-SDDPNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Thời hạn nộp thuế:

+ Người nộp thuế nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của năm làm 2 kỳ. Kỳ thứ nhất, thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày 31 tháng 5. Kỳ thứ hai, thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày 31 tháng 10.

Người nộp thuế được quyền lựa chọn nộp thuế một lần hoặc hai lần trong năm. Trường hợp người nộp thuế muốn nộp một lần cho cả năm thì phải nộp vào kỳ nộp thứ nhất của năm.

- Trường hợp trong chu kỳ ổn định 05 (năm) năm mà người nộp thuế đề nghị được nộp thuế một lần cho nhiều năm thì hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm đề nghị.

Lưu ý: Chính sách thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện theo Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính; Điều 4 Thông tư số 130/2016/TT-BTC

3. Các đăng ký đầu năm cho năm tài chính 2019:

3.1. Về đăng ký mức tiêu hao hợp lý nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất, kinh doanh.

Doanh nghiệp không phải xây dựng định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất kinh doanh.

3.2. Đăng ký phương pháp trích khấu hao TSCĐ:

Khi doanh nghiệp mới thành lập hoặc bắt đầu đưa tài sản cố định vào hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải thông báo phương pháp trích khấu hao, thời gian trích khấu hao TSCĐ mà Doanh nghiệp lựa chọn áp dụng với cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

Doanh nghiệp chỉ được thay đổi thời gian trích khấu hao TSCĐ một lần đối với một tài sản. Phương pháp trích khấu hao áp dụng cho từng TSCĐ mà doanh nghiệp đã lựa chọn và thông báo cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý phải được thực hiện nhất quán trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ. Trường hợp đặc biệt

cần thay đổi phương pháp trích khấu hao, doanh nghiệp phải giải trình rõ sự thay đổi về cách thức sử dụng TSCĐ để đem lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp. Mỗi tài sản cố định chỉ được phép thay đổi một lần phương pháp trích khấu hao trong quá trình sử dụng và phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

4. Sử dụng hóa đơn chứng từ:

Ngày 12/9/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 119/2018/NĐ-CP quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ điện tử (có hiệu lực từ ngày 01/11/2018). Trong đó, một số nội dung cần lưu ý như sau:

- Doanh nghiệp đã thông báo phát hành hóa đơn tự in, đặt in với Cục Thuế trước ngày 01/11/2018 thì được tiếp tục sử dụng. Trường hợp hóa đơn tự in, đặt in đã thông báo phát hành sử dụng hết thì Doanh nghiệp có thể lựa chọn chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử hoặc tiếp tục thông báo phát hành sử dụng hóa đơn tự in, đặt in đến hết ngày 31/10/2020. Kể từ ngày 01/11/2020 Doanh nghiệp phải chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh mới thành lập trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/10/2020, cơ quan thuế chưa thông báo cơ sở kinh doanh mới thành lập sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP thì các cơ sở kinh doanh mới thành lập này đăng ký phát hành hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in, hóa đơn điện tử hoặc mua hóa đơn của cơ quan thuế để sử dụng (nếu thuộc trường hợp mua hóa đơn) và thực hiện các thủ tục hành chính về hóa đơn theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP.

5. Sử dụng ứng dụng hỗ trợ kê khai theo kiến trúc và công nghệ mới phiên bản 4.1.0:

Doanh nghiệp sử dụng ứng dụng hỗ trợ kê khai theo kiến trúc và công nghệ mới 4.1.0 để kê khai thuế.

6. Thông tin chính sách thuế mới có hiệu lực từ năm 2019:

Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 26/9/2018 về biểu thuế bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 01/01/2019.

Các Chi cục Thuế căn cứ vào nội dung trên, hướng dẫn người nộp thuế trên địa bàn thực hiện để đảm bảo việc khai thuế và báo cáo tài chính được thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh, đồng thời có văn bản hướng dẫn người nộp thuế thuộc diện quản lý thực hiện khai thuế đúng theo quy định./. 

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- TCT (thay báo cáo);
- BLĐ Cục;
- Các Phòng Cục Thuế;
- CCT các huyện, TX, TPTA;
- Trang web Cục thuế;
- Lưu VT, TTHT.

